**NỘI DUNG TỰ HỌC TUẦN 4, 5**

**MÔN: ĐỊA LÍ - KHỐI 10**

**Hướng dẫn và yêu cầu học tập:**

**- Các em HS đọc, trả lời các câu hỏi trong SGK và hoàn thiện nội dung các bài học sau.**

**- Mọi thắc mắc về nội dung bài học các em có thể hỏi GVBM Địa Lí tại lớp và trong các tiết học vào thứ bảy hàng tuần!**

**CHƯƠNG 4. KHÍ QUYỂN**

**KHÍ QUYỂN, SỰ PHÂN BỐ NHIỆT ĐỘ**

**Bài**

**8**

**KHÔNG KHÍ TRÊN TRÁI ĐẤT**

**I. KHÁI NIỆM**

- Là lớp ………………... bao quanh Trái Đất, luôn chịu ảnh hưởng của Vũ trụ, trước tiên là Mặt Trời.

- Cấu trúc gồm nhiều tầng:………………………………………....

- Một nửa khối lượng khí quyển tập trung từ ……………………...

- Thành phần không khí:…………………………………………...

⇒ Vai trò quan trọng đối với sự hình thành, phát triển và bảo vệ sự sống của Trái Đất.

**II. SỰ PHÂN BỐ NHIỆT ĐỘ KHÔNG KHÍ TRÊN TRÁI ĐẤT**

- Chịu ảnh hưởng của Vũ trụ và Mặt Trời.

- Nhiệt độ trung bình trên bề mặt Trái Đất phân bố không giống nhau, phụ thuộc vào ……………………………………………….

**1. Phân bố theo vĩ độ**

- Do Trái Đất có dạng ……….. nên góc chiếu của tia sáng mặt trời đến các vĩ độ khác nhau => nhiệt độ trung bình năm khác nhau.

- Càng về gần cực:

+ Lượng nhiệt nhận được ………….. do góc chiếu của tia sáng mặt trời càng nhỏ.

+ Biên độ nhiệt năm …………… do thời gian chiếu sáng giữa các mùa càng chênh lệch.

**2. Phân bố theo lục địa và đại dương**

- Nhiệt độ trung bình năm cao nhất và thấp nhất đều ở …………..

- ………...…..... có biên độ nhiệt nhỏ, ..….................…….. có biên độ nhiệt lớn.

- Nguyên nhân: Lục địa hấp thụ và phản xạ nhiệt ……….....…., còn đại dương thì ngược lại.

- Ngoài ra, còn do ảnh hưởng của dòng biển nóng hoặc dòng biển lạnh.

**3. Phân bố theo địa hình**

- Ở tầng đối lưu, nhiệt độ không khí …………. theo độ cao, trung bình nhiệt độ …………. 0,6oC khi lên cao 100 m.

- Nguyên nhân: do càng lên cao không khí càng ……………., không hấp thu và giữ được nhiều nhiệt.

- Nhiệt độ không khí còn phụ thuộc vào ………….......và ............................……..…………. của sườn núi:

+ Sườn núi có độ dốc ………., góc nhập xạ ………. nên nhận được lượng nhiệt ………… và ngược lại.

+ Sườn núi đón ánh sáng mặt trời có nhiệt độ ……………. sườn núi khuất ánh sáng mặt trời.

**Bài**

**9**

**KHÍ ÁP VÀ GIÓ**

**I. KHÍ ÁP**

- Là ……………. của không khí lên bề mặt Trái Đất => Không khí dù nhẹ nhưng cũng có ………………….

**1. Sự hình thành các đai khí áp**

- Trên bề mặt Trái Đất luôn tồn tại các đai ………... và đai ………

- Các đai khí áp phân bố …………, ………….. nhau qua đai áp thấp xích đạo.

- Nguyên nhân hình thành: do ………….......… và …………..…...

+ Nguyên nhân nhiệt lực:

Xích đạo có………………………………………….=> áp thấp.

Vùng cực Bắc và cực Nam có ……………………….=> áp cao.

+ Nguyên nhân động lực:

Không khí …....………… ở Xích đạo và di chuyển về chí tuyến, giáng xuống làm khí áp …....……. => áp cao cận chí tuyến.

Không khí từ áp cao chí tuyến và vùng cực di chuyển về vùng ôn đới, không khí thăng lên làm khí áp ….…….=> áp thấp ôn đới.

**2. Nguyên nhân thay đổi khí áp**

- Khí áp thay đổi theo độ cao: càng lên cao không khí …………..., sức nén của không khí càng ……….... nên khí áp càng ………….

- Khí áp thay đổi theo nhiệt độ:

+ Khí áp dao động trong ngày và trong năm do nhiệt độ thay đổi.

+ Nhiệt độ tăng, không khí …............ ra, sức nén của của không khí nhỏ nên khí áp ………...

+ Nhiệt độ giảm, không khí ……......... lại, sức nén của không khí tăng nên khí áp …………….

- Khí áp thay đổi theo thành phần không khí:

+ Tỉ trọng của không khí có hơi nước …… hơn tỉ trọng của không khí khô ⇒ Không khí chứa nhiều hơi nước sẽ có khí áp giảm.

+ Khi nhiệt độ cao, hơi nước bốc lên nhiều chiếm chỗ của không khí khô làm khí áp ………...

**II. GIÓ**

- Là sự chuyển động của không khí từ nơi khí áp …… đến nơi khí áp ……..

- Gió được đặc trưng bởi tốc độ gió và hướng gió.

**1. Các loại gió chính trên Trái Đất**

|  |  |
| --- | --- |
| **Loại gió** | **Đặc điểm** |
| Gió Đông cực | - Thổi quanh năm từ áp ………. về áp …………….  - Hướng gió: bán cầu Bắc (BCB): ………………  bán cầu Nam (BCN): ………………  - Tính chất: ………… và …………...  - Thường gây ra ……………………….. ở khu vực ôn đới vào mùa đông. |
| Gió Tây ôn đới | - Là loại gió thổi quanh năm từ áp ………………… về áp ………………..  - Hướng gió: BCB: …………… BCN: …………….  - Tính chất: độ ẩm ………....  - Thường gây ……………… và …………………. |
| Gió Mậu dịch (Tín phong) | - Là gió thổi đều đặn quanh năm từ áp ……………. về áp ………………...  - Hướng gió: BCB: …………… BCN: …………….  - Tính chất: …………... |
| Gió mùa | - Là gió thổi ………………..  - Hướng gió: thổi ở 2 mùa trong năm ………………  - Nguyên nhân hình thành: sự hấp thụ và tỏa nhiệt không đều giữa ………….. và ………….. theo mùa.  - Phạm vi hoạt động: khu vực nhiệt đới và ôn đới.  - Tính chất:  + Gió mùa mùa hạ: ………… và gây ……….. lớn.  + Gió mùa mùa đông: ………….. và ……………. |

**2. Các loại gió địa phương**

***a. Gió biển, gió đất***

- Hoạt động ở vùng ………, thay đổi …….theo chu kì ngày - đêm.

- Nguyên nhân: do ……… và …….. hấp thụ, phản xạ nhiệt độ khác nhau ⇒ hình thành các vùng khí áp thay đổi theo ngày - đêm.

***b. Gió phơn***

- Là hiện tượng gió ………., …………. thổi từ trên núi xuống.

- Nguyên nhân:

+ Sườn núi đón gió: không khí chuyển động lên cao cứ 100 m thì nhiệt độ ………. 0,6oC, làm hơi nước ngưng kết và gây ………...

+ Sườn núi khuất gió: hơi nước đã giảm nhiều, không khí chuyển động đi xuống cứ 100 m thì nhiệt độ ……… 1oC ⇒ khô và nóng.

- Thời gian hoạt động: theo đợt, mỗi đợt gió từ vài giờ đến vài ngày.

***c. Gió thung lũng, gió núi***

- Hoạt động ở vùng ………….

+ Ban ngày, gió thổi từ thung lũng theo sườn núi đi lên.

+ Ban đêm, gió theo sườn núi đi xuống.

- Nguyên nhân: do sự chênh lệch ………… giữa sườn núi và thung lũng.

- Tốc độ gió mạnh.

- Tính chất: Gió thung lũng thường oi bức (nóng ẩm), gió núi mát dịu hơn.

**BÀI TẬP**

Vẽ sơ đồ thể hiện các vành đai khí áp và gió trên Trái Đất.

…………………………………………………………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………………………………………………………

**Bài**

**10**

**MƯA**

**I. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN LƯỢNG MƯA**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nhân tố** | **Ảnh hưởng** |
| Khí áp | - Vùng khí áp thấp: hút gió, không khí ẩm liên tục bốc lên cao, ngưng tụ và tạo thành mây, sinh ra mưa => …………….  - Vùng khí áp ao: có gió thổi đi, không khí không bốc hơi lên được nên mưa rất ……….. hoặc ………….. mưa. |
| Frông | - Frông là lớp tiếp xúc giữa hai khối khí có tính chất ………..  - Dọc các frông nóng và frông lạnh luôn có tranh chấp giữa các khối không khí đã gây ………….. không khí, tạo mây và sinh ra mưa.  - Frông nóng thường có …………, gió mạnh và giật từng đợt.  - Frông lạnh thường có ……………,…………….. phạm vi mưa hẹp hơn frông nóng.  - Miền có frông hoặc dải hội tụ nhiệt đới đi qua thường có mưa nhiều, gọi là mưa frông hoặc mưa dải hội tụ. |
| Gió | - Gió mang hơi nước từ đại dương vào trong lục địa, càng vào sâu trong lục địa thì mưa càng ………..  - Miền nằm trong đới gió Tín phong có mưa …… do gió khô.  - Miền khí hậu gió mùa thường có mưa ………. do vào mùa hè có gió thổi từ đại dương vào lục địa. |
| Dòng biển | - Những nơi có dòng biển nóng chảy qua thường mưa ……… vì không khí bốc lên mang nhiều hơi nước, tạo gây mưa.  - Nơi có dòng biển lạnh chảy qua có lượng mưa ………… do không khí không bốc lên được nên rất khô hạn. |
| Địa hình | - Địa hình ảnh hưởng nhiều đến phân bố mưa.  - Sườn đón gió thường mưa ……, sườn khuất gió thường mưa ……...  - Cùng một sườn núi đón gió, càng lên cao nhiệt độ càng giảm, mưa càng ………., tới một độ cao nhất định, độ ẩm không khí giảm sẽ không còn mưa.  - Những sườn núi và đỉnh núi cao thường ………. mưa. |

**II. SỰ PHÂN BỐ MƯA TRÊN TRÁI ĐẤT**

**1. Phân bố theo vĩ độ**

- Lượng mưa trên Trái Đất phân bố …………… theo vĩ độ.

- Mưa nhiều nhất ở ……………, tiếp đến là ở hai vùng ………….

- Mưa tương đối ít ở hai vùng ……………..…và ………………...

- Khu vực gần cực Bắc và cực Nam mưa rất ……….

**2. Phân bố theo khu vực**

- Lượng mưa trên thế giới phân bố …………… giữa các khu vực theo chiều đông, tây do ảnh hưởng của ……………., dòng biển,…

- Các khu vực có vị trí địa lí tiếp giáp hoặc gần biển, có dòng biển nóng chảy qua thường có lượng mưa ………….

- Những khu vực nằm sâu trong nội địa hoặc có dòng biển lạnh chảy qua thường có lượng mưa …………..

**BÀI TẬP**

**Câu 1.** Dựa vào kiến thức đã học và hình 10.1 SGK tr47, hãy giải thích tình hình phân bố lượng mưa ở các khu vực: xích đạo, chí tuyến, ôn đới, cực.

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………

**Câu 2.** Dựa vào kiến thức đã học và hình 10.2 SGK tr48, hãy xác định những khu vực có mưa nhiều và những khu vực có mưa ít trên các lục địa.

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**Bài**

**11**

**THỰC HÀNH: ĐỌC BẢN ĐỒ CÁC ĐỚI VÀ KIỂU KHÍ HẬU TRÊN TRÁI ĐẤT, PHÂN TÍCH BIỂU ĐỒ MỘT SỐ KIỂU KHÍ HẬU**

**I. ĐỌC BẢN ĐỒ CÁC ĐỚI VÀ KIỂU KHÍ HẬU**

- Mỗi bán cầu có 7 đới khí hậu và các kiểu khí hậu của mỗi đới như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Đới khí hậu** | **Giới hạn vĩ độ** | **Kiểu khí hậu** |
| Cực |  |  |
| Cận cực |  |  |
| Ôn đới |  |  |
| Cận nhiệt |  |  |
| Nhiệt đới |  |  |
| Cận Xích đạo |  |  |
| Xích đạo |  |  |

**II. PHÂN TÍCH BIỂU ĐỒ NHIỆT ĐỘ, LƯỢNG MƯA**

*Bảng 11.1. Đặc điểm nhiệt độ một số kiểu khí hậu tại các địa điểm*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Địa điểm** | **Kiểu khí hậu** | **Nhiệt độ trung bình tháng thấp nhất** | | **Nhiệt độ trung bình tháng cao nhất** | | **Biên độ nhiệt năm** *(oC)* |
| **Tháng** | **Nhiệt độ** *(oC)* | **Tháng** | **Nhiệt độ** *(oC)* |
| Hà Nội  (Việt Nam) | Nhiệt đới gió mùa |  |  |  |  |  |
| U-lan Ba-to  (Mông Cổ) | Ôn đới lục địa |  |  |  |  |  |
| Luân Đôn  (Anh) | Ôn đới hải dương |  |  |  |  |  |
| Lix-bon  (Bồ Đào Nha) | Cận nhiệt  Địa Trung Hải |  |  |  |  |  |

*Bảng 11.2. Đặc điểm lượng mưa một số kiểu khí hậu tại các địa điểm*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Địa điểm** | **Khí hậu** | **Lượng mưa trung bình năm (mm)** | **Mưa nhiều** | | **Mưa ít** | |
| **Các tháng** | **Lượng mưa** *(≥100 mm)* | **Các tháng** | **Lượng mưa** *(<100 mm)* |
| Hà Nội  (Việt Nam) | Nhiệt đới  gió mùa |  |  |  |  |  |
| U-lan Ba-to  (Mông Cổ) | Ôn đới  lục địa |  |  |  |  |  |
| Luân Đôn  (Anh) | Ôn đới  hải dương |  |  |  |  |  |
| Lix-bon  (Bồ Đào Nha) | Cận nhiệt  Địa Trung Hải |  |  |  |  |  |

**III. GIẢI THÍCH ĐƯỢC MỘT SỐ HIỆN TƯỢNG THỜI TIẾT TRONG THỰC TẾ**

Dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của bản thân, em hãy:

- Thu thập thông tin về một số hiện tượng thời tiết trong tực tế như: sương, mưa đá,…

- Viết một báo cáo ngắn giải thích nguyên nhân gây ra các hiện tượng trên.

……………………………………………………………………

……………………………………………………………………

……………………………………………………………………

……………………………………………………………………

……………………………………………………………………

……………………………………………………………………

……………………………………………………………………

……………………………………………………………………

……………………………………………………………………

……………………………………………………………………